| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TRẢNG BÀNG**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Văn Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Cao Hoài Hiêm

2. Bà Dương Thị Mỹ Liên

***- Thư ký phiên tòa***: ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: chị NTKT, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp PT, xã PB, thị xã TB, tỉnh TN;

*2. Bị đơn*: anh ĐVT, sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN;

Chị T và anh T vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn, chị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và T chung sống từ năm 2015, tự nguyện không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL (nay là phường GL), thị xã TB, tỉnh TN. Sau khi cưới vợ chồng sống chung bên gia đình cha mẹ ruột anh T tại khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN, lúc đầu vợ

chồng sống hạnh phúc, đến tháng 3-2021 thì phát sinh mâu thuẩn do cả hai không tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con, nên chị về sống chung bên gia đình cha mẹ ruột tại ấp PT, xã PB, thị xã TB, tỉnh TN, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh T thường xuyên điện thoại đe dọa, uy hiếp tinh thần và yêu cầu chị quay về tiếp tục chung sống, chị không đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có một con chung D, sinh ngày 17-7-2015, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

*Bị đơn, anh T:* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11-4-2022, anh T trình bày.

Về hôn nhân: Như chị T trình bày là đúng, nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do cả hai không tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, vẫn đến thường xuyên gây gỗ nhau, anh vẫn chăm sóc gia đình vợ con, vợ anh tự ý về bên gia đình cha  mẹ ruột sống từ tháng 3-2021, anh có đến thăm con nhưng gia đình bên vợ có ngăn cản nên anh có điện thọa đe dọa chị T, anh có gặp chị T hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Như chị T trình bày là đúng. Anh đồng ý giao cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung D, sinh ngày 17-7-2015, anh không phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác và xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án các cấp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T.

Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 17-7-2015 cho chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị T và bị đơn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11-4-2022, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, nhưng chị T và anh T đều xin vắng mặt, nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung D, sinh ngày 17-7-2015, hiện đang sống chung với chị T. Anh T đồng ý giao cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Nên chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: không có, nên không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: không có, nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T.

Chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao cho chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, sinh ngày 17-7-2015.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) từ tiền

tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015952 ngày 22-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KT nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND Tx. Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh:
- Chi cục THADS Tx. Trảng Bàng;
- UBND phường Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN VĂN TÂM**